TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**
Số: 144/2020/QĐST- HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 26 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 116/2020/TLST- HNGĐ ngày 04/3/2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1990; Nơi ĐKHKTT: Số 54 D, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Thôn Mong B, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1986; trú tại: Số 54 D, phường X, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 3, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18/3/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18/3/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị T và anh Lê Văn T.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nuôi con chung: Chị Lê Thị T và anh Lê Văn T có 01người con chung tên là Lê Văn Khánh H, sinh ngày 21/12/2009. Hiện nay cháu H đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh T thỏa thuận: Giao cháu Lê Văn Khánh H cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị T và anh Lê Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lê Thị T và anh Lê Văn T cùng xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T và anh Lê Văn T mỗi người phải chịu án phí ly hôn 75.000 đồng. Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn của cả hai người là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/009638 ngày 04/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế. Hoàn trả lại cho chị Lê Thị Thùy số tiền 150.000 đồng.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSNDTP Huế;
- UBND P Xuân Phú, tp Huế
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Quý Vân